TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **34**/2025/HNGĐ - ST Ngày 15 - 9 - 2025 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Mạnh Hùng

2. Ông Lê Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2025/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST - HNGĐ ngày 08/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tống Thị P, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 038189019537; ngày cấp: 15/3/2021

ĐKHKTT: Thôn S, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Trần Đức T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 038087028895; ngày cấp: 09/5/2021

ĐKHKTT: Thôn T1, xã L, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 09/6/2025, bản tự khai ngày 20/6/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tống Thị P trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Đức T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nay là UBND xã L, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 16/3/2017. Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 3 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan

điểm trong cuộc sống, không có Tg nói chung, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải, động viên nhưng không cải thiện được tình trạng mâu thuẫn trong gia đình. Đến năm 2022 vợ chồng sống ly thân 3 tháng, sau đó đoàn tụ. Quá trình chung sống đến tháng 3/2023 vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đức T.

- Về con chung: Chị và anh T có 1 con chung là Trần Anh D, sinh ngày 15/6/2018. Hiện nay con đang ở với chị P. Nguyện vọng của chị P khi ly hôn xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Trần Đức T:*

Tòa án đã thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Trần Đức T. Nhưng trong thời hạn quy định anh T không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

** Tòa án T hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, ngày 07/8/2025 tại UBND xã L, tỉnh Thanh Hóa bị đơn anh Trần Đức T trình bày:* Anh và chị Tống Thị P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nay là UBND xã L, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 16/3/2017. Sau khi kết hôn tình trạng hôn nhân tốt, vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì. Khoảng 2 năm nay vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không có Tg nói chung. Mâu thuẫn đã được 2 bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng chị P vẫn không quay về chung sống đoàn tụ. Nay chị P làm đơn xin ly hôn anh xét thấy tình cảm dành cho chị P vẫn còn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu chị P cương quyết ly hôn thì anh cũng không đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị P có 1 con chung là Trần Anh D, sinh ngày 15/6/2018. Nguyện vọng của anh là đoàn tụ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa*: Chị Tống Thị P có Đơn xin xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Trần Đức T. Về con chung: Chị P xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị P được ly hôn anh T.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Anh D, sinh ngày 15/6/2018 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản và nợ chung: Chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Anh Trần Đức T có hộ khẩu thường trú tại thôn T1, xã T2, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nay là thôn T1, xã L, tỉnh Thanh Hóa nên chị Tống Thị P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn và nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 BLTTDS.

- Chị Tống Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị P và anh T.

[2]. Về nội dung:

[2. 1]. Hôn nhân giữa chị Tống Thị P và anh Trần Đức T dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không có Tg nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không khắc phục được. Chị P và anh T đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án không T hành hòa giải và giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T. Đối với anh T, mong muốn vợ chồng đoàn tụ, đề nghị Tòa án T hành hòa giải nhưng anh T vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, không có biện pháp hòa giải, khắc phục mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị P được ly hôn anh T là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị P và anh T có 1 con chung là Trần Anh D, sinh ngày 15/6/2018. Hiện nay con đang ở với chị P. Khi ly hôn chị P xin được nuôi con. Cháu D cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Xét về điều kiện nuôi con của chị P hiện nay đang công tác tại Bệnh viện Đa khoa Tâm Đức đóng tại xã C nay là xã L, tỉnh Thanh Hóa nên có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần giao cháu Trịnh Anh D cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng: Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273

BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Tống Thị P được ly hôn anh Trần Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Anh D, sinh ngày 15/6/2018 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Đức T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Tống Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Thanh Hóa theo biên lai thu số 0005538 ngày 17/6/2025. Chấp nhận chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Tống Thị P và anh Trần Đức T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã L;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà